

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ GIÁO
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2024/HS-ST
Ngày 27/3/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Văn Sự;
Ông Hoàng Văn Chuẩn.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trịnh Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Tổng Phi Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 140/2023/TLST-HS ngày 24 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2024/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 02 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Lê Văn P, sinh ngày 09/10/1999 tại Cà Mau. Nơi cư trú: Ấp F, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T (chết) và bà Lê Mỹ C, sinh năm 1976; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo Lê Văn P bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/7/2023 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Phạm Ngọc T1 (tên gọi khác: L), sinh ngày 04/6/1982 tại Bình Dương. Nơi cư trú: Khu phố C, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hoá: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T2, sinh năm 1956 và bà Phạm Thị T3 (chết); tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo Phạm Ngọc T1 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt tạm giam từ ngày 21/11/2023 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Trần Văn L1, sinh năm 1995. Nơi cư trú: Ấp T, xã P, huyện P, tỉnh Bình Dương. Có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

2. Bà Trịnh Thị Ngọc L2, sinh năm 1996. Nơi cư trú: Ấp A, xã P, huyện P, tỉnh Bình Dương. Có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Văn P và Phạm Ngọc T1 là đôi tượng nghiện ma túy chung sống với nhau

như vợ chồng tại nhà của T1 ở khu phố C, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương. Để có tiền mua ma túy và tiêu xài hàng ngày T1 cùng P đi mót mủ cao su bán lấy tiền tiêu xài và mua ma túy để sử dụng. Ngày 30/6/2023, sau khi P và T1 đi mót mủ cao su bán lấy tiền. Phiên điều khiển xe mô tô biển số 59V2 - 927.21 đến khu vực khu công nghiệp V, V, T, Bình Dương gặp người thanh niên tên T4 không rõ nhân thân lai lịch hỏi mua 300.000 đồng ma túy. Khi có ma túy, P điều khiển xe mô tô về nhà gặp T1 ở khu phố C, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương. Phiên lấy một ít ma túy vừa mua được bỏ vào nỏ thủy tinh (bộ D dùng để sử dụng ma túy) cùng T1 sử dụng, số ma túy còn lại Phiên cất giấu để dành sử dụng. Khoảng 8 giờ ngày 02/7/2023 Trần Văn L1 điện thoại vào số máy 0348884630 thì P nghe máy, L1 kêu P đưa máy điện thoại cho T1 để L1 nói chuyện với T1. Ngay lúc này, L1 hỏi T1 xin sử dụng ma túy, T1 đồng ý và kêu L1 đến nhà T1 để sử dụng ma túy. Khoảng 20 phút sau L1 điều khiển xe mô tô đến nhà của T1 ở khu phố C, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương. Tại đây P lấy ma túy ra bỏ vào nỏ (dụng cụ sử dụng ma túy) P, T1 cùng L1 sử dụng ma túy. Khoảng 09 giờ ngày 02/7/2023, Trịnh Thị Ngọc L2 (vợ L1) điều khiển xe mô tô biển số 61F1 - 27339 chờ theo con nhỏ đến nhà T1 chơi. L2 hỏi T1 và P biết chỗ nào cho vay không thì P nói biết có người thanh niên tên T4 ở gần khu công nghiệp V, Bình Dương có cho vay. Sau khi bàn bạc xong L2 gửi con cho L1 trông giữ, L2 điều khiển xe mô tô biển số 61F 1 - 27339 chờ T1, P điều khiển xe mô tô biển số 59V2 - 927.21 cùng nhau đi xuống gần khu công nghiệp V, V, T, Bình Dương gặp T4 để vay tiền. Tại đây L2 vay được 2.500.000 đồng. Khi lấy được tiền L2 điều khiển xe mô tô biển số 61F1 - 273.39 về trước. Phiên mua 300.000 đồng ma túy của T1 lúc này T1 không biết. Sau khi mua ma túy xong Phiên điều khiển xe mô tô biển số 59V2 - 927.21 chờ T1 về nhà T1. Tại đây P lấy 01 ít ma túy ra bỏ vào bộ dụng cụ sử dụng ma túy đi xuống khu vực nhà bếp để sử dụng ma túy cùng T1, L1 và L2, sau khi sử dụng xong thì tất cả đi ngủ đến sáng, khoảng 06 giờ ngày 03/7/2023, L1 chờ L2 đi làm, T1 còn nằm ngủ trong phòng. Lúc này P lấy ma túy ra bỏ vào bộ dụng cụ để chuẩn bị sử dụng thì bị Công an thị trấn phát hiện bắt quả tang.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P thu giữ:

- 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm: 01 (một) nỏ thủy tinh bên trong có chứa chất rắn màu trắng nghi là ma túy, 01 (một) ống hút bằng nhựa, 01 (một) nắp nhựa màu vàng, 01 (một) ly thủy tinh, 01 (một) đoạn đầu chai nhựa màu trắng;

- 01 (một) điện thoại di động LG màu trắng;

Cáo trạng số 137/CT-VKSPG ngày 22 tháng 11 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo Lê Văn P về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo các điểm a, b, đ khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; bị cáo Phạm Ngọc T1 về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo các điểm a, b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (viết tắt là Bộ luật Hình sự).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố của cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh:

+ Tuyên bố bị cáo Lê Văn P phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”;

+ Tuyên bố bị cáo Phạm Ngọc T1 phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”;

- Bị cáo Lê Văn P và bị cáo Phạm Ngọc T1 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; xem xét cho các bị cáo P, T1 được hưởng tình tiết giảm nhẹ là người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

- Về hình phạt:

* Đối với bị cáo Lê Văn P: Căn cứ vào các điểm a, b, đ khoản 2 Điều 255; điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 50 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự:

+ Xử phạt bị cáo Lê Văn P từ 08 (tám) năm tù đến 09 (chín) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”;

+ Xử phạt bị cáo Lê Văn P từ 01 (một) năm tù đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”;

+ Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt chung của hai tội.

* Đối với bị cáo Phạm Ngọc T1: Căn cứ vào các điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 50 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự:

+ Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc T1 từ 07 (bảy) năm tù đến 08 (tám) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”;

- Về biện pháp tư pháp:

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) bì thư ký hiệu 387/PC09, mẫu vật hoàn lại sau giám định có chữ ký và hình dấu đỏ niêm phong của Phòng K Công an tỉnh B là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,1190gam; 01 (một) nỏ thủy tinh; 01 (một) bộ dụng cụ gồm: 01 (một) ống hút bằng nhựa, 01 (một) nắp nhựa màu vàng, 01 (một) ly thủy tinh, 01 (một) đoạn đầu chai nhựa màu trắng;

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động LG màu trắng.

Các bị cáo Lê Văn P, Phạm Ngọc T1 tranh luận: Các bị cáo thống nhất với đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo về mức hình phạt, tội danh, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và biện pháp tư pháp.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo ăn năn, hối cải về hành vi của mình, các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Hội đồng xét xử xét thấy, các quyết định, hành

vi của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] Về sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn L1 và bà Trịnh Thị Ngọc L2 có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt theo quy định của pháp luật. Trong quá trình điều tra, ông L1 và bà L2 đã có lời khai trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy, việc vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn L1 và bà Trịnh Thị Ngọc L2 không gây trở ngại cho xét xử nên quyết định xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn L1 và bà Trịnh Thị Ngọc L2 theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Tại phiên tòa, các bị cáo Lê Văn P, Phạm Ngọc T1 khai nhận:

Khoảng 08 giờ ngày 02/7/2023, bị cáo Lê Văn P đã có hành vi cung cấp ma túy, loại Methamphetamine và cung cấp bộ dụng cụ sử dụng ma túy; bị cáo Phạm Ngọc T1 có hành vi sử dụng chỗ ở của mình để tổ chức cho Trần Văn L1, bị cáo Lê Văn P và bị cáo Phạm Ngọc T1 sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng trọ của bị cáo Phạm Ngọc T1 thuộc khu phố C, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương. Đến khoảng 14 giờ ngày 02/7/2023, bị cáo Lê Văn P đã có hành vi cung cấp ma túy, loại Methamphetamine và cung cấp bộ dụng cụ sử dụng ma túy; bị cáo Phạm Ngọc T1 có hành vi sử dụng chỗ ở của mình để tổ chức cho Trần Văn L1, Trịnh Thị Ngọc L2, bị cáo Lê Văn P và bị cáo Phạm Ngọc T1 sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng trọ của bị cáo Phạm Ngọc T1 thuộc khu phố C, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương

Ngoài hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, khoảng 08 giờ 20 phút ngày 03/7/2023, bị cáo Lê Văn P đã có hành vi cất giấu ma túy trong bộ dụng cụ sử dụng ma túy có khối lượng 0,1549 gam loại Methamphetamine nhằm mục đích sử dụng tại phòng trọ của bị cáo Phạm Ngọc T1 thuộc khu phố C, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương.

[4] Theo Bản kết luận giám định số 387/KL-KTHS (MT) ngày 10/7/2023 của Phòng K Công an tỉnh B kết luận: Tinh thể màu trắng trong 01 (một) nỏ thủy tinh gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng/trọng lượng 0,1549 gam.

[5] Lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Về nhận thức, các bị cáo Lê Văn P, Phạm Ngọc T1 biết hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy dưới bất kỳ hình thức nào và bị cáo P biết được hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Các bị cáo đủ tuổi, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy.

[6] Hành vi của các bị cáo Lê Văn P, Phạm Ngọc T1 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại Điều 255 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo P, T1 đã cung cấp ma túy cho Trần Văn L1 và Trịnh Thị Ngọc L2 sử dụng tại phòng trọ của bị cáo Phạm Ngọc T1 thuộc khu phố C, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương vào lúc 8 giờ và 14 giờ ngày 02/7/2023, trong đó, bị cáo T1 đang bị áp dụng biện pháp cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng theo Quyết định số 224/QĐ-QLNN ngày 02/6/2023 của Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương, nên hành vi của bị cáo P đã phạm vào các điểm a, b, đ khoản 2 Điều 255 của

Bộ luật Hình sự và hành vi của bị cáo T1 đã phạm vào các điểm a, b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự.

[7] Ngoài ra, bị cáo Lê Văn P đã tàng trữ trái phép chất ma túy với mục đích sử dụng, khối lượng là 0,1549 gam, loại Methamphetamine nên hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

[8] Như vậy, Cáo trạng số 137/CT-VKSPG ngày 22 tháng 11 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Lê Văn P về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo các điểm a, b, đ khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Phạm Ngọc T1 về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo các điểm a, b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[9] Tội phạm do các bị cáo thực hiện không những xâm phạm đến chính sách quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, ảnh hưởng đến trật tự trị an trong khu vực, ảnh hưởng tiêu cực đến công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm về ma túy mà Nhà nước ta đang tiến hành mà còn gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định một hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, như vậy mới đủ tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo, đồng thời nêu gương phòng ngừa chung cho xã hội.

[9.1] Hội đồng xét xử xét thấy, đây là vụ án có đồng phạm. Đối với hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy do bị cáo Lê Văn P và bị cáo Phạm Ngọc T1 thực hiện. Trong đó, bị cáo P là người đề xuất vừa là người thực hành, bị cáo T1 là người thực hành. Vì vậy, cần áp dụng Điều 58 của Bộ luật Hình sự để phân hoá hình phạt tương xứng với tính chất và mức độ tham gia phạm tội của từng bị cáo.

[9.2] Khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như sau:

[9.2.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lê Văn P, bị cáo Phạm Ngọc T1 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[9.2.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Lê Văn P và Phạm Ngọc T1 thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên Hội đồng xét xử xem xét áp dụng cho các bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[10] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy, các bị cáo không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[11] Về biện pháp tư pháp:

[11.1] 01 (một) bì thư ký hiệu 387/PC09, mẫu vật hoàn lại sau giám định có chữ ký và hình dấu đỏ niêm phong của Phòng K Công an tỉnh B là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,1190gam; 01 (một) nỏ thủy tinh; 01 (một) bộ dụng cụ gồm: 01 (một) ống hút bằng nhựa, 01 (một) nắp nhựa màu vàng, 01 (một) ly thủy tinh, 01 (một) đoạn đầu chai nhựa màu trắng. Hội đồng xét xử xét thấy, đây là vật Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy.

[11.2] 01 (một) điện thoại di động LG màu trắng là điện thoại của bị cáo Lê Văn P. Hội đồng xét xử xét thấy, đây là phương tiện dùng vào việc phạm tội, nên cần

tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[12] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và các biện pháp tư pháp đối với các bị cáo Lê Văn P, Phạm Ngọc T1 là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[13] Đối tượng tên T4 ở Khu công nghiệp V, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương bán ma túy cho bị cáo Lê Văn P không rõ nhân thân lai lịch nên chưa làm việc được. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

[14] Đối tượng Trịnh Thị Ngọc L2, Trần Văn L1 là đối tượng nghiện ma túy đã có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Công an huyện P đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 140, 141 ngày 01/11/2023 theo quy định pháp luật là phù hợp.

[15] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[16] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điểm a, b, đ khoản 2 Điều 255; điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, các Điều 38, 46, 47, 50, 55 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự; các Điều 106, 135, 136, 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về tội danh:

1.1. Tuyên bố bị cáo Lê Văn P phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”;

1.2. Tuyên bố bị cáo Phạm Ngọc T1 phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”;

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

2.1. Đối với bị cáo Lê Văn P:

Căn cứ vào các điểm a, b, đ khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 50 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Văn P 08 (tám) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”;

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 50 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Văn P 01 (một) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”;

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt chung của hai tội, buộc bị cáo Lê Văn P phải chấp hành hình phạt là 09 (chín) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/7/2023.

2.2. Đối với bị cáo Phạm Ngọc T1:

Căn cứ vào các điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 50 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc T1 07 (bảy) năm

06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/11/2023.

3. Về biện pháp tư pháp:

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) bì thư ký hiệu 387/PC09, mẫu vật hoàn lại sau giám định có chữ ký và hình dấu đỏ niêm phong của Phòng K Công an tỉnh B là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,1190gam; 01 (một) nỏ thủy tinh; 01 (một) bộ dụng cụ gồm: 01 (một) ống hút bằng nhựa, 01 (một) nắp nhựa màu vàng, 01 (một) ly thủy tinh, 01 (một) đoạn đầu chai nhựa màu trắng;

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động LG màu trắng, số imei: 353873061777952.

(Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 24 tháng 11 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương)

4. Về án phí:

Buộc các bị cáo Lê Văn P, Phạm Ngọc T1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án của Tòa án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Công an huyện Phú Giáo;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Phòng PV06 Công an tỉnh Bình Dương;
- UBND thị trấn Phước Vĩnh, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương (để thông báo);
- UBND xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (để thông báo);
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Ân